

Bản án số: 49/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 12-02-2026

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10-
Hải Phòng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia
phiên tòa:** Bà Đàm Thị Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải
Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:
434/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc " ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXX-ST ngày 29
tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10-12-1952

Số Căn cước công dân: 030052012198. Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký
quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 01-9-2021

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17-8-1975

Số căn cước công dân 030175029131. Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký
quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 22-12-2021.

ĐKKHKT: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Hải Phòng

Hiện đang lao động ở Hàn Quốc.

(ông Q, bà H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông
Nguyễn Minh Q trình bày: Ông và bà H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 16-4-2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về tính cách quan điểm sống, kinh tế, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau không có hạnh phúc. Bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2021, nhiều lần ông khuyên giải động viên bà H về nhưng bà không nghe. Kể từ đó ông bà sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Ông không biết bà H đi lao động ở nước ngoài từ khi nào. Vì ông bà đã ly thân không còn liên lạc gì với nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh Việt, sinh ngày 12-11-2004; Nguyễn Công Minh Đức, sinh ngày 08-4-2010. Hiện nay cháu Ngọc và cháu Việt đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Đức từ khi vợ chồng ly thân cháu Đức vẫn ở với ông. Nay vợ chồng ông ly hôn ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Ông tự nguyện không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông đã nghỉ hưu, thu nhập 4.000.000 đồng/ tháng, ngoài ra ông làm lao động tự do hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Ông có nhà ở riêng nên đảm bảo được việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đức.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Qua biên bản làm việc với cháu Nguyễn Thị Minh Ngọc (con đẻ của ông Q và bà H). Cháu liên lạc với mẹ cháu qua zalo để Tòa án nói chuyện với mẹ cháu. Tại cuộc gọi zalo bà H trình bày như sau: Bà hiện nay đang làm việc tại Hàn Quốc. Bà đi sang Hàn Quốc từ tháng 7-2024, thỉnh thoảng bà có về thăm con. Bà được biết ông Q đang làm thủ tục xin ly hôn bà tại Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng. Bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh Q được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 16-4-2003. Sau khi kết hôn ông bà chỉ chung sống hòa thuận chỉ được thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Vợ chồng không còn quan hệ cả về tình cảm và kinh tế, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà thỉnh thoảng về thăm con thôi, thực tế bà không còn tình cảm và ông Q cũng chưa lần nào nói chuyện hòa giải với bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Ông Q xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 12-11-2004 và Nguyễn Công Minh Đ, sinh ngày 08-4-2010. Hiện nay cháu N, cháu V đã trưởng thành có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đ đang đi học và ở cùng với ông Q. Nay vợ chồng bà ly hôn bà đồng ý cho cháu Đức ở với ông Q. Bà vẫn có trách nhiệm với cháu.

Về tài sản chung: Bà và ông Q có tài sản chung nhưng do hiện nay bà đang đi làm ăn xa nên bà không yêu cầu trong vụ án này mà để hai bên tự thỏa thuận. Nếu trường hợp sau này không tự thỏa thuận được bà đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Trên đây là quan điểm của bà. Do bà bận công việc ở xa không thể về làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án cứ giao các bản giấy tờ cho con gái bà (cháu Ngọc) nhận thay bà. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Thu H đều vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Minh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Công Minh Đ, sinh ngày 08-4-2010 cho ông Nguyễn Minh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Q tự nguyện không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Các con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 12-11-2004 hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh Q có đơn yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H. Bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố An Bộ, phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng, hiện nay đang đi lao động ở Hàn Quốc. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Thu H được triệu tập hợp lệ và có xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q và bà H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Thu H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 16-4-2003 tại UBND xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Ông Q và bà H cùng xác định ông bà đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 đến nay, không còn tình cảm. Xác minh tại địa phương thể hiện hiện nay ông bà không còn chung sống cùng nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Q, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Q ly hôn bà H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Ông Q, bà H có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 12-11-2004 và Nguyễn Công Minh Đức, sinh ngày 08-4-2010. Nay vợ chồng ly hôn ông bà cùng có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Công Minh Đ cho ông Q được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của các bên là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Do vậy để ổn định việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu nên cần tiếp tục giao Minh Đức cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q tự nguyện không yêu cầu nên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 12-11-2004 hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà H cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Minh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Công Minh Đ, sinh ngày 08-4-2010 cho ông Nguyễn Minh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Q tự nguyện không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Các con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 04-9-2003; Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 12-11-2004 hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt